

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Tp. Hồ Chí Minh - Tháng 8 năm 2010

MỤC LỤC

| | <u>Trang</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT | 3 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ | 4 - 5 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 6 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | 7 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ | 8 - 22 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103002085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/02/2004. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 27/6/2005, thay đổi lần 2 ngày 10/11/2006 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------------|--|
| Ông Vũ Sỹ Nam | Chủ tịch (Miễn nhiệm 24 tháng 05 năm 2010) |
| Ông Nguyễn Văn Hoàng | Chủ tịch (Bổ nhiệm 24 tháng 05 năm 2010) |
| Ông Phạm Phú Cường | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Xuân Trọng | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Lâm | Ủy viên (Bổ nhiệm 24 tháng 05 năm 2010) |
| Ông Nguyễn Long Dũng | Ủy viên |

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Nguyễn Văn Hoàng | Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2010) |
| Ông Đỗ Hải | Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2010) |
| Ông Nguyễn Xuân Trọng | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2010) |
| Bà Tống Thị Thủy | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hải Đăng | Phó Giám đốc |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾT TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoại trừ sự kiện đã nêu ở phần thuyết minh 6.2, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty kỳ hoạt động giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đỗ Hải
Giám đốc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Số.

/2010/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu kèm theo của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 04 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét cần được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; và do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc Kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc Kiểm toán nên không đưa ra ý kiến Kiểm toán.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

Tại ngày 30/06/2010, Công ty đã thực hiện điều chỉnh và đã góp đủ vốn điều lệ là 21.700.000.000 đồng, tuy nhiên, Công ty chưa hoàn tất thủ tục việc thay đổi và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2010

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

| TÀI SẢN | MS | TM | 30/06/2010 | 01/01/2010 |
|--|------------|------------|-----------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 19.594.218.212 | 40.856.182.847 |
| I- Tiền | 110 | | 10.456.282.595 | 24.280.004.154 |
| 1. Tiền | 111 | 5.1 | 10.456.282.595 | 24.280.004.154 |
| II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 4.999.804.307 | 4.999.804.307 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 5.105.900.000 | 5.105.900.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (106.095.693) | (106.095.693) |
| III- Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 631.584.360 | 5.674.575.624 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 559.956.478 | 5.621.475.624 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 71.627.882 | 28.100.000 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | | - | 25.000.000 |
| IV- Hàng tồn kho | 140 | | 3.429.092.254 | 5.854.154.705 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5.3 | 3.429.092.254 | 5.854.154.705 |
| V- Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 77.454.696 | 47.644.057 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 41.154.696 | - |
| 9. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 38.344.057 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 36.300.000 | 9.300.000 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260) | 200 | | 67.539.481.638 | 66.140.667.844 |
| I Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II Tài sản cố định | 220 | | 61.615.481.638 | 60.216.667.844 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.4 | 5.910.550.564 | 5.618.163.436 |
| - Nguyên giá | 222 | | 16.865.057.228 | 15.894.709.228 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (10.954.506.664) | (10.276.545.792) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 5.5 | 55.704.931.074 | 54.598.504.408 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 5.700.000.000 | 5.700.000.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 5.6 | 5.700.000.000 | 5.700.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 224.000.000 | 224.000.000 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 5.7 | 224.000.000 | 224.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 87.133.699.850 | 106.996.850.691 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MÃU B 01a -DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 30/06/2010 | 01/01/2010 |
|--|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | | 54.072.414.383 | 84.347.449.071 |
| I- Nợ ngắn hạn | 310 | | 10.725.652.301 | 35.167.364.833 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | - | 5.166.277.981 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 1.089.462.021 | 2.364.849.572 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 5.321.348.799 | 9.700.257.443 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 5.8 | 1.272.973.913 | 858.692.198 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 929.311.629 | 5.457.708.825 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | - | 139.528.926 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 5.9 | 2.043.971.858 | 11.463.193.857 |
| 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 323 | | 68.584.081 | 16.856.031 |
| II- Nợ dài hạn | 330 | | 43.346.762.082 | 49.180.084.238 |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | 5.10 | 25.746.762.082 | 25.746.762.082 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | 5.11 | 16.000.000.000 | 21.800.000.000 |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | 33.322.156 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | 5.12 | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 |
| B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) | 400 | | 33.061.285.467 | 22.649.401.620 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.13 | 33.061.285.467 | 22.649.401.620 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 21.700.000.000 | 10.593.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1.029.300.000 | 1.029.300.000 |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | 34.467.273 | 95.052.599 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 6.168.444.826 | 5.448.824.786 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 1.088.710.010 | 882.949.010 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 3.040.363.358 | 4.600.275.225 |
| II- Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 87.133.699.850 | 106.996.850.691 |

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MẪU B 02a -DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Từ ngày 01/01/2010 | Từ ngày 01/01/2009 |
|--|----|------|---------------------|---------------------|
| | | | đến ngày 30/06/2010 | đến ngày 30/06/2009 |
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng | 01 | 5.14 | 16.641.569.587 | 28.713.413.937 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01-02) | 10 | | 16.641.569.587 | 28.713.413.937 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.15 | 11.711.545.484 | 22.948.767.537 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11) | 20 | | 4.930.024.103 | 5.764.646.400 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.16 | 600.987.990 | 487.888.667 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 5.17 | 754.050.729 | 549.757.194 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 123.740.587 | 54.489.970 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | 5.18 | 364.790.414 | 765.656.947 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 5.19 | 1.488.235.514 | 2.194.341.662 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | 2.923.935.436 | 2.742.779.264 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 72.607.034 | 52.996.007 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 538.240 | 4.608.022 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | 72.068.794 | 48.387.985 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 2.996.004.230 | 2.791.167.249 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.20 | 709.251.057 | 325.045.906 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 2.286.753.173 | 2.466.121.343 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.21 | 1.408 | 2.328 |

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2010
Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MẪU B 03a -DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2010

| CHỈ TIÊU | MS | Từ ngày 01/01/2010 | Từ ngày 01/01/2009 |
|--|----|---------------------|---------------------|
| | | đến ngày 30/06/2010 | đến ngày 30/06/2009 |
| | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 2.996.004.230 | 2.791.167.249 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 677.960.872 | 636.371.985 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (60.585.326) | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (286.594.700) | (203.656.423) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 123.740.587 | 54.489.970 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 3.450.525.663 | 3.384.468.474 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 5.054.335.321 | 575.349.107 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 2.425.062.451 | 6.051.797.311 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (8.938.999.921) | 996.894.696 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (41.154.696) | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (960.960.000) | (54.489.970) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (282.147.348) | (420.690.695) |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (265.555.950) | (818.102.183) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 441.105.520 | 9.715.226.740 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác | 21 | (1.239.555.253) | (3.408.934.973) |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 286.594.700 | 203.656.423 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (952.960.553) | (3.205.278.550) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (10.966.277.981) | (7.527.253.882) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (2.345.588.545) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (13.311.866.526) | (3.022.651.049) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | (13.823.721.559) | 3.487.297.141 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 24.280.004.154 | 1.785.609.168 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | 10.456.282.595 | 5.272.906.309 |

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09A-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103002085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/02/2004. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 27/6/2005, thay đổi lần 2 ngày 10/11/2006 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Tên giao dịch của Công ty là PHUTHINH - NHABE GARMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: NPS

Trụ sở chính Công ty tại số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 là 10.593.000.000 đồng, các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 bao gồm:

| <u>Stt</u> | <u>Tên cổ đông</u> | <u>Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú</u> | <u>Số cổ phần</u> |
|------------|------------------------|---|-------------------|
| 1. | Công ty May Nhà Bè | Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Hồ Chí Minh | 36.016 |
| 2. | Bà Trần Thị Hoa | Số 248/34-36, Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình, Hồ Chí Minh | 758 |
| 3. | Ông Vũ Sỹ Nam | 26A, Lạc Long Quân, quận Tân Bình | 708 |
| 4. | Bà Dương Thị Ngọc Dung | 47Bis, Đoàn Như Hải, Phường 8, quận 4 | 708 |
| 5. | Ông Phạm Phú Cường | 146/1, đường số 8, quận Tân Bình | 708 |
| | 194 Cổ đông khác | | 17.575 |

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên là 21.700.000.000 đồng nhưng chưa kịp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103002085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các Đăng ký thay đổi lần 1 và lần 2, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất, mua bán hàng may mặc. Mua bán nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng ngành dệt may, ngành công nghiệp, ngành điện tử, ngành công nghệ thông tin, hàng kim khí điện máy. Giặt tẩy (không tẩy, nhuộm hồ in trên sản phẩm tại trụ sở). Thêu. In trên bao bì (không in trắng bao bì kim loại tại trụ sở). Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thủy nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế./.

6 tháng đầu năm 2010, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, gia công hàng may mặc.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ Kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2008.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm, phương pháp thực tế đích danh đối với nguyên vật liệu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (Năm)**

| | |
|---------------------------|---------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 07 - 15 |
| Máy móc, thiết bị | 07 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 08 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản Đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản Đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản Đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá Đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hoặc Bảng cân đối kế toán theo quy định hiện hành. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp phổ thông phải nộp theo luật thuế Thu nhập doanh nghiệp bắt đầu áp dụng từ 01 tháng 01 năm 2010 là: 25%.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | 30/06/2010 | 01/01/2010 |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 5.726.245.700 | 595.658.667 |
| Tiền gửi ngân hàng | 4.730.036.895 | 23.684.345.487 |
| Tổng | 10.456.282.595 | 24.280.004.154 |

5.2 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

| | 30/06/2010 | 01/01/2010 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng | 1.605.900.000 | 1.605.900.000 |
| Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dệt may Đông Á | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) | (106.095.693) | (106.095.693) |
| Tổng | 4.999.804.307 | 4.999.804.307 |

Giá trị đã đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng (VICOTEX) tương ứng với số cổ phần sở hữu là 159.000 cổ phần tương ứng với tổng mệnh giá là 1.590.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng là Công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt may, có trụ sở chính tại số 127, Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị đã đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt May Đông Á (DAGATEX) tương ứng với số cổ phần sở hữu là 200.000 cổ phần tương ứng với tổng mệnh giá là 2.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Dệt May Đông Á (DAGATEX) là Công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt may, có trụ sở chính tại số 185-189 Âu Cơ, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A -DN

5.3 HÀNG TỒN KHO

| | 30/06/2010 | 01/01/2010 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.299.183.076 | 4.291.618.835 |
| Công cụ, dụng cụ | 2.876.387 | 94.503.403 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 318.817.900 | 326.434.522 |
| Thành phẩm | 1.808.214.891 | 1.141.597.945 |
| Tổng | 3.429.092.254 | 5.854.154.705 |

5.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH*Đơn vị tính: VND*

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng |
|-------------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2010 | 5.781.097.651 | 9.062.206.064 | 680.405.733 | 370.999.780 | 15.894.709.228 |
| Tăng trong năm | - | 970.348.000 | - | - | 970.348.000 |
| Mua trong năm | - | 970.348.000 | - | - | 970.348.000 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số dư tại 30/06/2010 | 5.781.097.651 | 10.032.554.064 | 680.405.733 | 370.999.780 | 16.865.057.228 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2010 | 3.273.509.150 | 6.160.503.611 | 474.492.481 | 368.040.550 | 10.276.545.792 |
| Tăng trong năm | 189.827.180 | 443.028.469 | 42.145.993 | 2.959.230 | 677.960.872 |
| Khấu hao trong năm | 189.827.180 | 443.028.469 | 42.145.993 | 2.959.230 | 677.960.872 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số dư tại 30/06/2010 | 3.463.336.330 | 6.603.532.080 | 516.638.474 | 370.999.780 | 10.954.506.664 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại 01/01/2010 | 2.507.588.501 | 2.901.702.453 | 205.913.252 | 2.959.230 | 5.618.163.436 |
| Tại 30/06/2010 | 2.317.761.321 | 3.429.021.984 | 163.767.259 | - | 5.910.550.564 |

5.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 |
|---------------------|---|---|
| | VND | VND |
| Tại ngày 1 tháng 1 | 54.598.504.408 | 49.845.661.897 |
| Tăng trong kỳ | 1.197.426.666 | 4.752.842.511 |
| Giảm trong kỳ | 91.000.000 | - |
| Tại ngày 30 tháng 6 | 55.704.931.074 | 54.598.504.408 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu là chi phí của Dự án xây dựng chung cư đã được Ủy Ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại 13A Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09A -DN

5.6 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Bất động sản Nhà Bè tương ứng với số cổ phần sở hữu là 570.000 cổ phần. Công ty CP Bất động sản Nhà Bè được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009465, đăng ký lần đầu ngày 26/2/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 27/10/2008. Ngành nghề chủ yếu là kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản.

5.7 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận do khoản chênh lệch tạm thời giữa việc hạch toán chi phí dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc cho Cán bộ, Công nhân viên Công ty theo Kế hoạch di dời Nhà xưởng đã được phê duyệt bởi Ban giám đốc trong năm 2008.

5.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 30/06/2010 | 01/01/2010 |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 26.891.722 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.146.723.750 | 719.620.040 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 17.018.104 | 56.731.821 |
| Các loại thuế khác | 82.340.337 | 82.340.337 |
| Tổng | 1.272.973.913 | 858.692.198 |

5.9 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 30/06/2010 | 01/01/2010 |
|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 126.050.000 | 95.082.000 |
| Bảo hiểm xã hội | 175.576.596 | 4.148.944 |
| Nhận tiền ứng trước mua cổ phiếu | - | 11.107.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.742.345.262 | 256.962.913 |
| Tổng | 2.043.971.858 | 11.463.193.857 |

5.10 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Nợ dài hạn khác là khoản tiền Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nhà Bè chuyển cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè để tiến hành các thủ tục đầu tư, xây dựng Dự án Cao ốc thương mại và Căn hộ tại Khu đất số 13A, Tổng Văn Trân, phường 05, Quận 11 theo thỏa thuận sơ bộ giữa hai bên.

5.11 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | 30/06/2010 | 01/01/2010 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vay dài hạn | 16.000.000.000 | 21.800.000.000 |
| Vay ngân hàng | | |
| <i>Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh T.p Hồ Chí Minh</i> | <i>16.000.000.000</i> | <i>16.000.000.000</i> |
| Vay đối tượng khác | | |
| <i>Tổng Công ty May Nhà Bè</i> | <i>-</i> | <i>5.800.000.000</i> |
| Tổng | 16.000.000.000 | 21.800.000.000 |

5.11 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Khoản vay Công ty Cổ phần May Nhà Bè được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 03/HĐTD/07 ngày 16/8/2007. Tổng giá trị vay theo Hợp đồng là 17.800.000.000 đồng. Mục đích của khoản vay là thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình chung cư cao tầng Đầm Sen. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, nợ gốc được trả vào cuối kỳ hạn trả nợ. Lãi suất của khoản vay là 0,9%/tháng.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 020-0000482/HĐTD/07 ngày 23/8/2007. Tổng giá trị vay theo Hợp đồng là 40.000.000.000 đồng, giá trị các khoản vay đã giải ngân trong năm 2007 là 16.000.000.000 đồng. Mục đích của khoản vay là thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình chung cư cao tầng Đầm Sen. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, nợ gốc được trả vào cuối kỳ hạn trả nợ. Lãi suất của khoản vay là 0,99%/tháng. Tài sản được dùng để bảo đảm cho khoản vay là bất động sản tại số 13A, Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.12 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư khoản dự phòng phải trả thể hiện khoản trích lập dự phòng phải trả phát sinh liên quan đến kế hoạch di chuyển địa điểm sản xuất của Công ty sang khu vực khác. Công ty thực hiện trích lập số tiền dự tính phải trả cho các lao động bị mất việc làm theo quy định tại Luật lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A -DN

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**Biến động vốn chủ sở hữu:***Đơn vị tính: VND*

| | Vốn đầu từ chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng |
|-----------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Số dư tại 01/01/2009 | 10.593.000.000 | 1.029.300.000 | - | 4.320.714.473 | 686.571.010 | 1.979.051.180 | 18.608.636.663 |
| Tăng trong năm | - | - | 260.023.335 | 1.128.110.313 | 196.378.000 | 4.834.847.358 | 6.419.359.006 |
| Trích lập quỹ | - | - | - | 1.128.110.313 | 196.378.000 | - | 1.324.488.313 |
| Lãi | - | - | - | - | - | 4.834.847.358 | 4.834.847.358 |
| Đánh giá lại tỷ giá | - | - | 260.023.335 | - | - | - | 260.023.335 |
| Giảm trong năm | - | - | 164.970.736 | - | - | 2.213.623.313 | 2.378.594.049 |
| Đánh giá lại tỷ giá | - | - | 164.970.736 | - | - | - | 164.970.736 |
| Trích lập quỹ 2008 | - | - | - | - | - | 1.663.623.313 | 1.663.623.313 |
| Trích lập quỹ 2009 | - | - | - | - | - | 550.000.000 | 550.000.000 |
| Số dư tại 31/12/2009 | 10.593.000.000 | 1.029.300.000 | 95.052.599 | 5.448.824.786 | 882.949.010 | 4.600.275.225 | 22.649.401.620 |
| Số dư tại 01/01/2010 | 10.593.000.000 | 1.029.300.000 | 95.052.599 | 5.448.824.786 | 882.949.010 | 4.600.275.225 | 22.649.401.620 |
| Tăng trong kỳ | 11.107.000.000 | - | 34.467.273 | 719.620.040 | 205.761.000 | 2.286.753.173 | 14.353.601.486 |
| Tăng vốn | 11.107.000.000 | - | - | - | - | - | 11.107.000.000 |
| Đánh giá lại tỷ giá | - | - | 34.467.273 | - | - | - | 34.467.273 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | - | - | 2.286.753.173 | 2.286.753.173 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | 719.620.040 | 205.761.000 | - | 925.381.040 |
| Giảm trong kỳ | - | - | 95.052.599 | - | - | 3.846.665.040 | 3.941.717.639 |
| Trích lập quỹ | - | - | - | - | - | 1.242.665.040 | 1.242.665.040 |
| Đánh giá lại tỷ giá | - | - | 95.052.599 | - | - | - | 95.052.599 |
| Trả cổ tức | - | - | - | - | - | 2.604.000.000 | 2.604.000.000 |
| Số dư tại 30/06/2010 | 21.700.000.000 | 1.029.300.000 | 34.467.273 | 6.168.444.826 | 1.088.710.010 | 3.040.363.358 | 33.061.285.467 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A -DN

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

| | 30/06/2010 | 01/01/2010 |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng Công ty May Nhà Bè | 7.203.200.000 | 3.601.600.000 |
| Các cổ đông khác | 14.496.800.000 | 6.991.400.000 |
| Tổng | 21.700.000.000 | 10.593.000.000 |

Cổ phiếu

| | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 |
|--|---|---|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 2.170.000 | 1.059.300 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ | 2.170.000 | 1.059.300 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>2.170.000</i> | <i>1.059.300</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.170.000 | 1.059.300 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>2.170.000</i> | <i>1.059.300</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu là: 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

5.14 DOANH THU BÁN HÀNG

| | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 |
|---------------|---|---|
| | VND | VND |
| Thành phẩm | 139.460.376 | 314.340.320 |
| Gia công | 7.934.886.637 | 8.123.857.789 |
| FOB xuất khẩu | 8.060.263.764 | 20.064.245.618 |
| Khác | 506.958.810 | 210.970.210 |
| Tổng | 16.641.569.587 | 28.713.413.937 |

5.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Thành phẩm | 48.847.480 | 170.590.367 |
| Gia công | 5.219.184.134 | 3.959.010.011 |
| FOB xuất khẩu | 7.773.027.733 | 18.814.920.159 |
| Khác | 472.230.809 | 4.247.000 |
| Hoàn nhập chi phí lương trích dư năm 2009 | (1.801.744.672) | - |
| Tổng | 11.711.545.484 | 22.948.767.537 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A -DN

5.16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND |
|------------------------------------|--|--|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 127.594.700 | 12.856.423 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 159.000.000 | 190.800.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 314.393.290 | 284.232.244 |
| Tổng | 600.987.990 | 487.888.667 |

5.17 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND |
|--|--|--|
| Chi phí lãi vay | 123.740.587 | 54.489.970 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | - | 106.095.693 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 630.310.142 | 389.171.531 |
| Tổng | 754.050.729 | 549.757.194 |

5.18 CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND |
|---------------------------|--|--|
| Chi phí bao bì | 211.281.959 | 369.061.252 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 153.508.455 | 396.595.695 |
| Tổng | 364.790.414 | 765.656.947 |

5.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND |
|-----------------------------------|--|--|
| Chi phí nhân viên quản lý | 903.502.285 | 1.517.569.232 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 37.630.556 | 54.779.920 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định: | 45.105.223 | 52.399.119 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài: | 165.607.514 | 162.522.859 |
| Chi phí bằng tiền khác | 336.389.936 | 407.070.532 |
| Tổng | 1.488.235.514 | 2.194.341.662 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A -DN

5.20 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND |
|--|--|--|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.996.004.230 | 2.791.167.249 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | 159.000.000 | 190.800.000 |
| Thu nhập chịu thuế kỳ hoạt động hiện hành | 2.837.004.230 | 2.600.367.249 |
| Thuế suất thuế TNDN | 25% | 25% |
| Tỷ lệ ưu đãi | | 50% |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 709.251.057 | 325.045.906 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - |
| Tổng chi phí thuế TNDN | 709.251.057 | 325.045.906 |

5.21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND |
|--|--|--|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | 2.286.753.173 | 2.466.121.343 |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 2.286.753.173 | 2.466.121.343 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 1.623.855 | 1.059.300 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 1.408 | 2.328 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A -DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Nghiệp vụ với các bên liên quan:**

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND |
|---|--------------------|----------------------------|---|---|
| Mua hàng | | | | |
| Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần | Công ty liên kết | Mua chi | 112.337.644 | 69.342.275 |
| | | Thuê máy | 56.210.000 | 14.141.000 |
| | | Chi phí xuất hàng | 100.078.283 | - |
| | | Chi phí lãi vay | 236.466.666 | 648.000.000 |
| | | Tổng | 505.092.593 | 731.483.275 |
| Bán hàng | | | | |
| Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần | Công ty liên kết | May gia công | 5.326.127.154 | 6.161.132.397 |

Số dư với các bên có liên quan:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 30/06/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|--------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần | Công ty liên kết | Công nợ phải thu | 4.634.674.490 | 9.680.257.443 |
| Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần | Công ty liên kết | Nợ vay dài hạn | - | 5.800.000.000 |
| Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần | Công ty liên kết | Công nợ phải trả | 627.482.287 | 604.275.378 |

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND | Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND |
|--|--------------------|----------------------------|---|---|
| Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc | | Lương, thù lao | 590.948.892 | 278.996.869 |

6.2 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾT TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 01/8/2010, Công ty có sự thay đổi Ban giám đốc. Theo đó, Ông Nguyễn Văn Hoàng thôi giữ chức giám đốc từ ngày 01/8/2010 và thay vào đó là Ông Đỗ Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09A -DN

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam.

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải